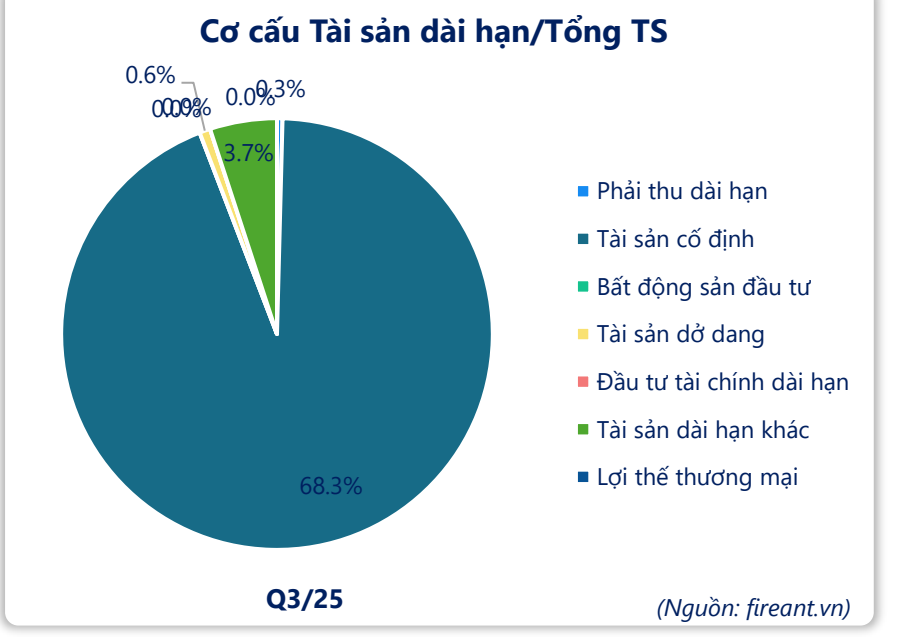
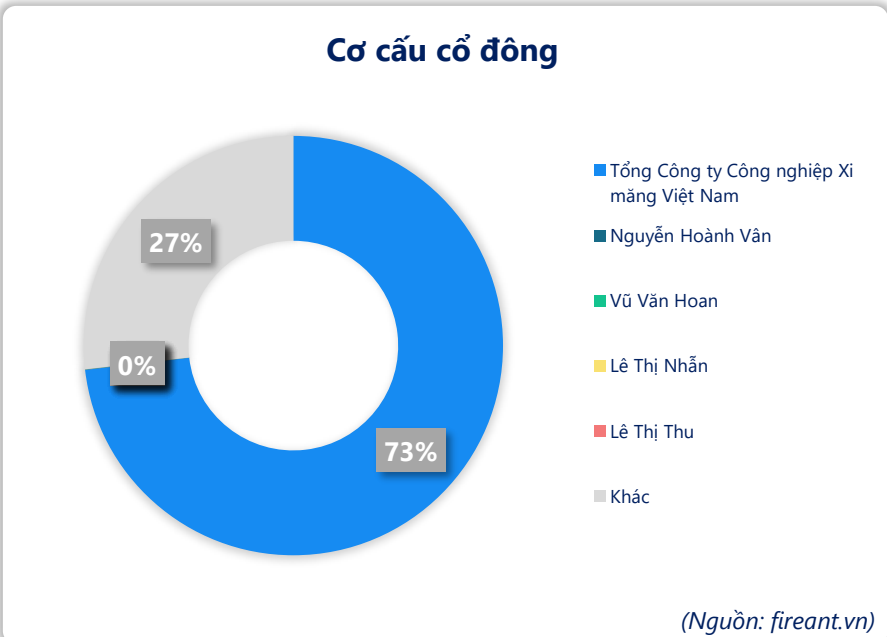
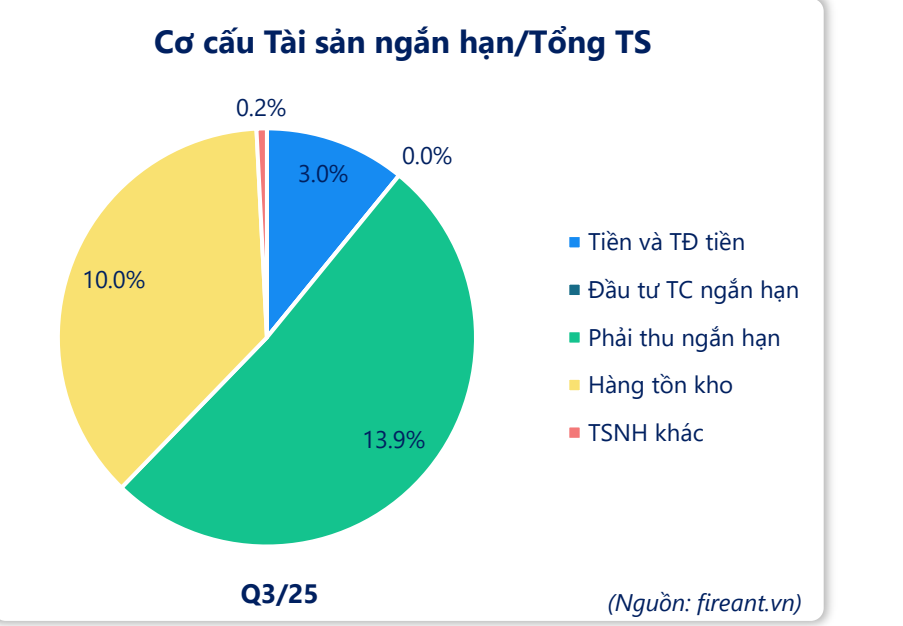
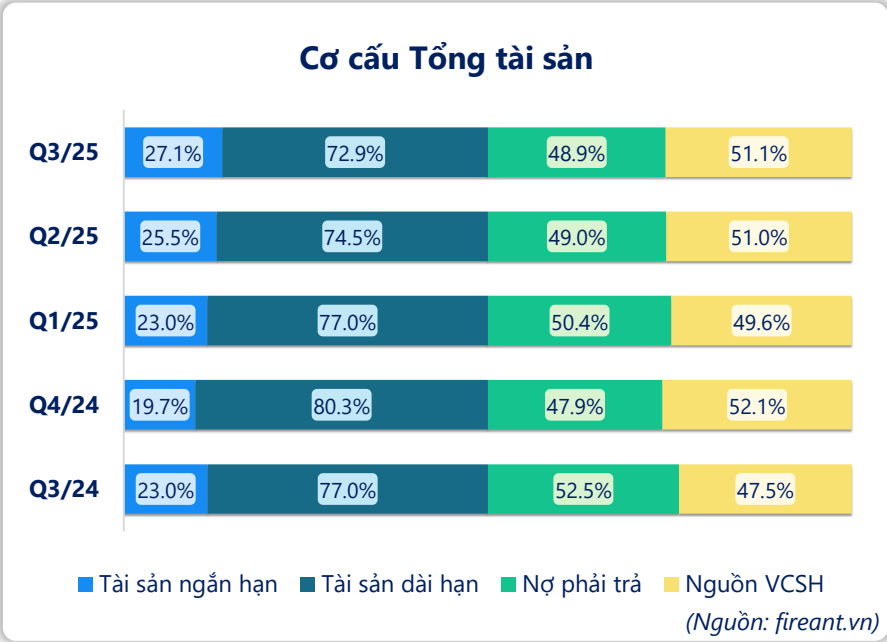
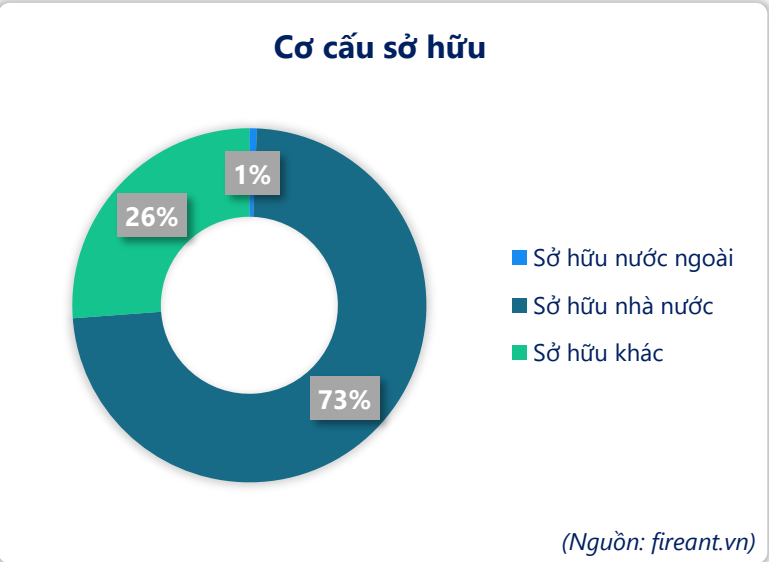
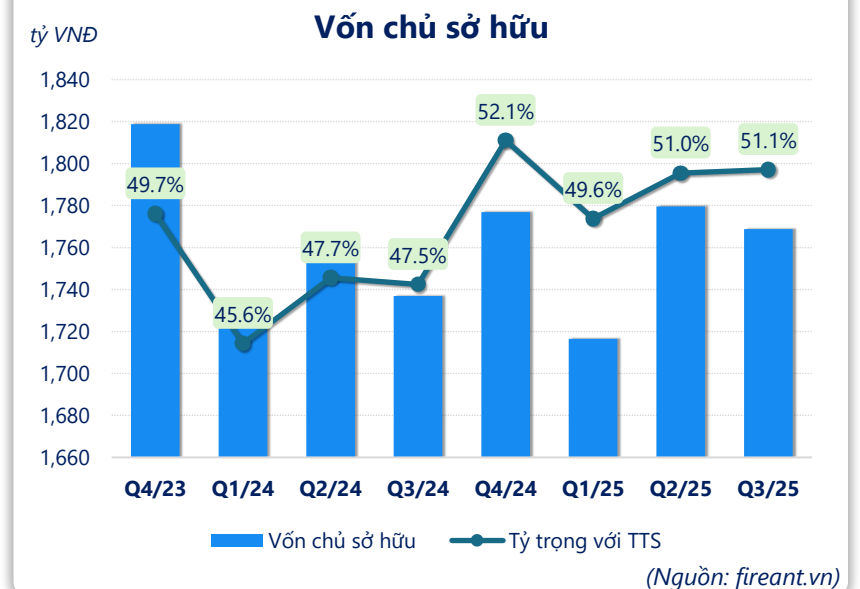
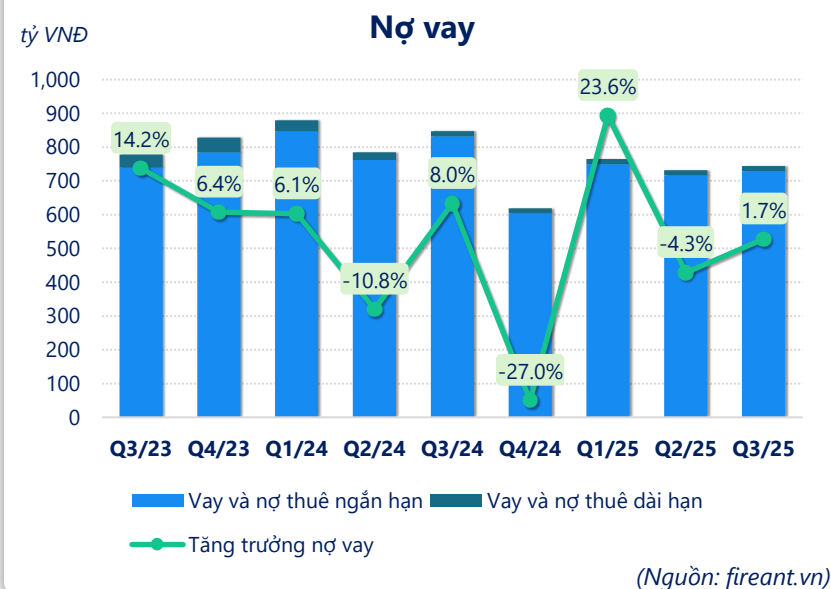
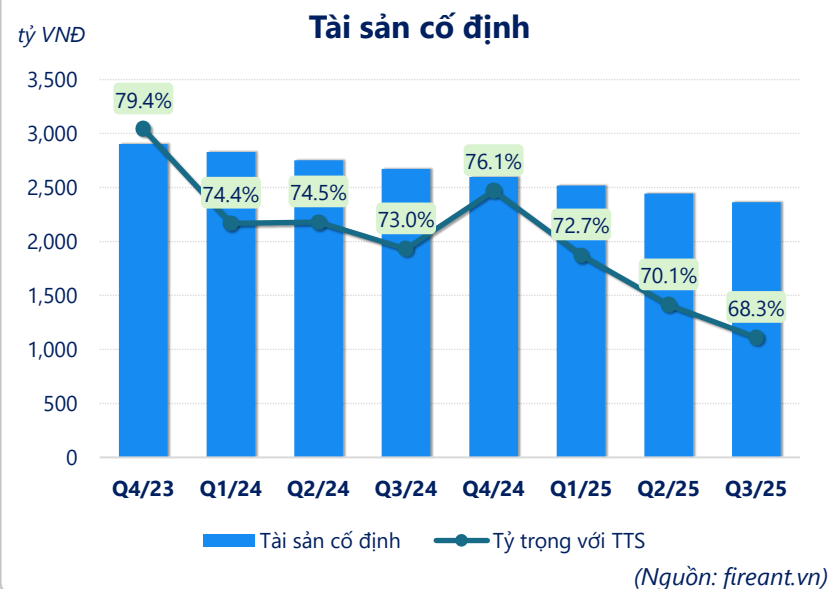
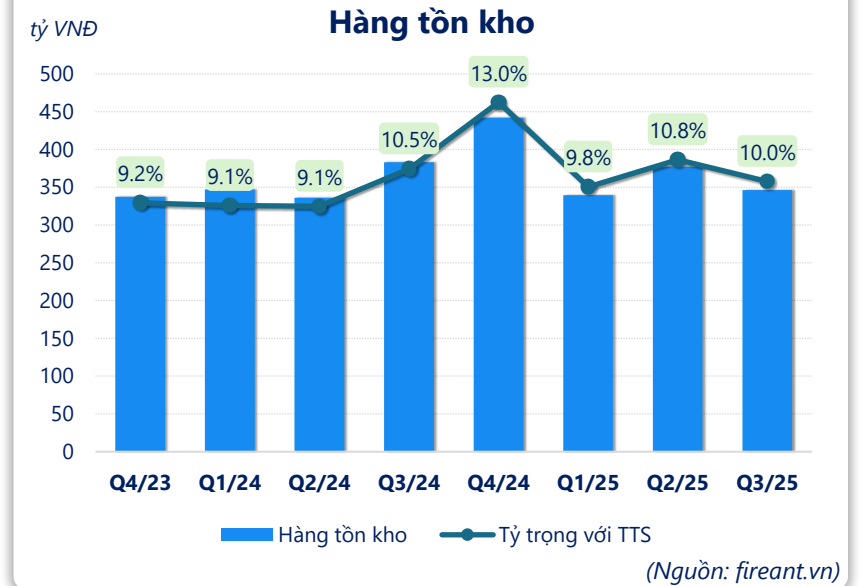
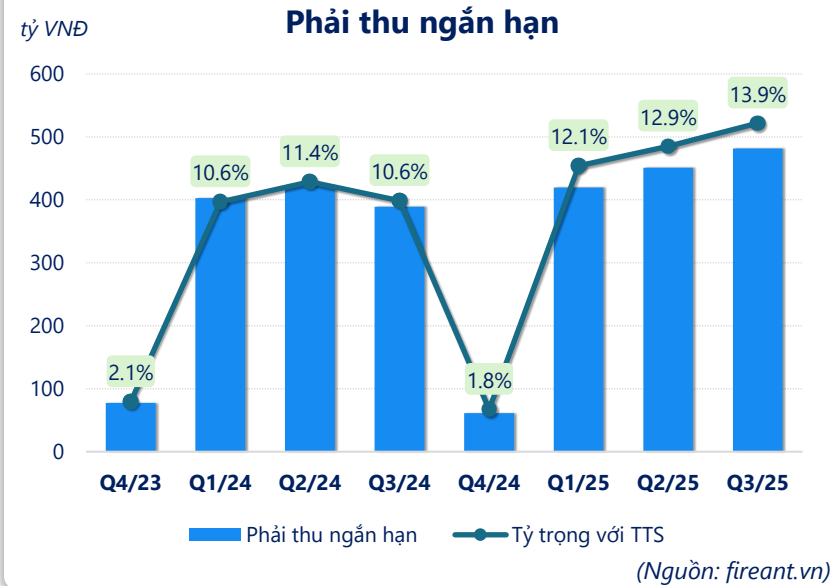
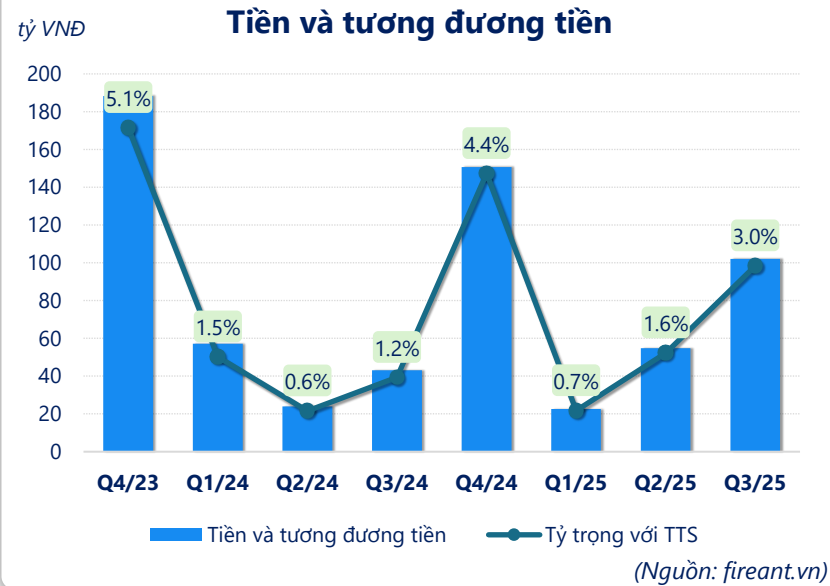
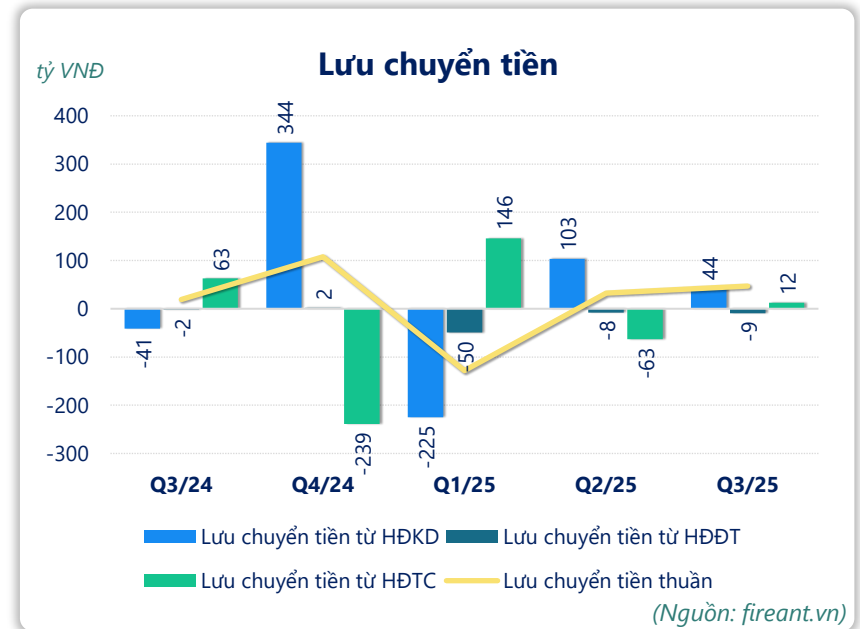
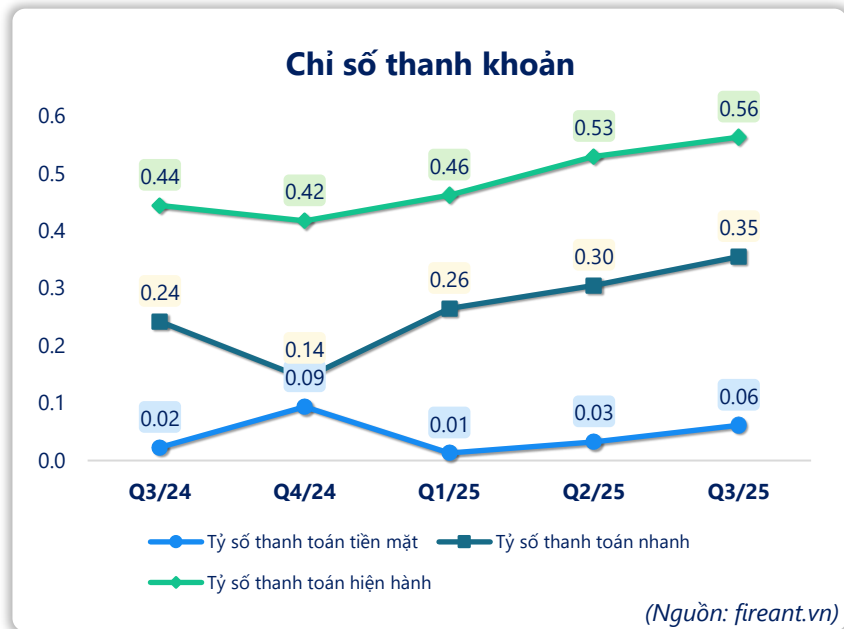
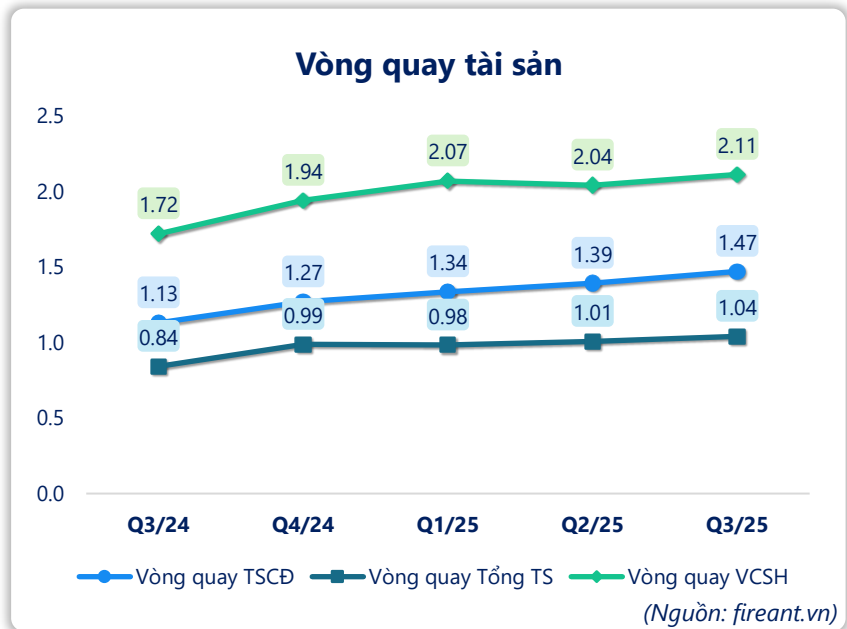
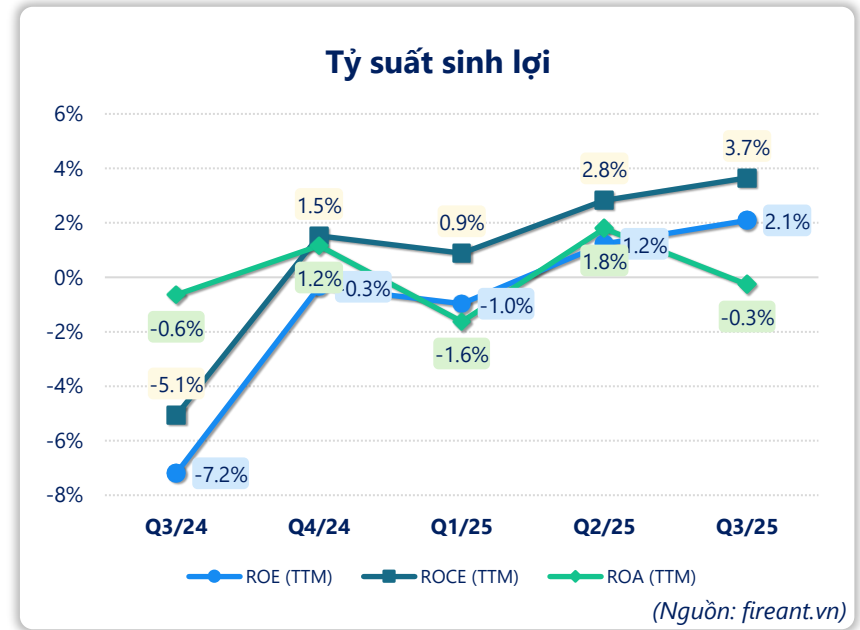
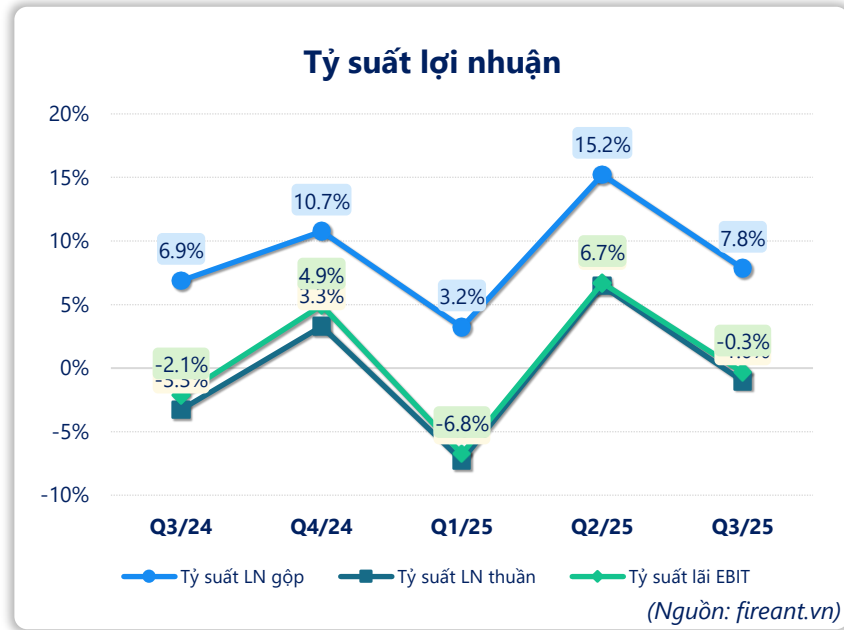
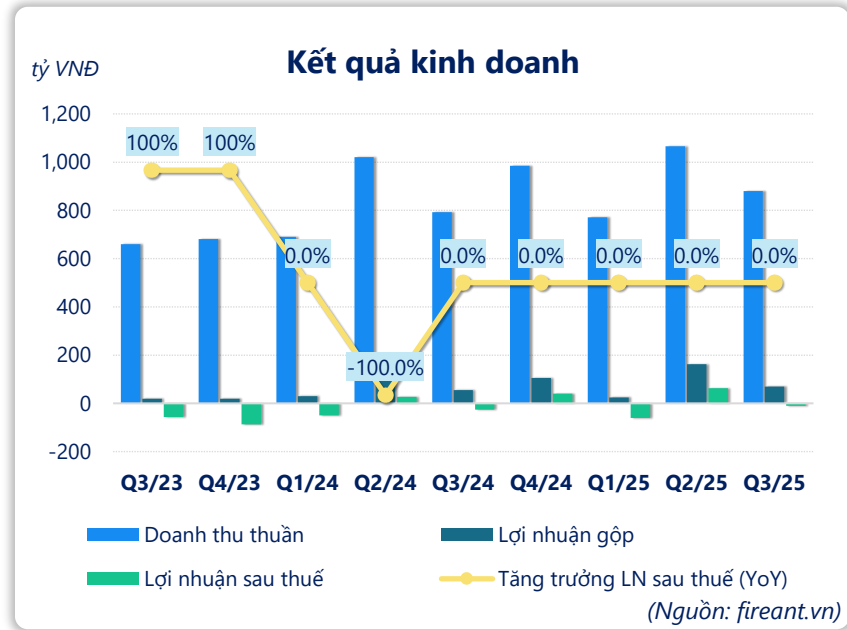


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		8,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		9,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,200
SL cổ phiếu LH		123,209,812
KLGD BQ 20 phiên (CP)		153,560
% sở hữu nước ngoài		0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,060
P/E		28.9
EPS		297

	YTD	1T	3T	6T
BCC	17.8%	-3.4%	13.2%	11.7%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,459	3,412	1.4%
Tài sản ngắn hạn	937	672	39.4%
Tiền và tương đương tiền	102	151	-32.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	481	61.1	687%
Hàng tồn kho	346	442	-21.6%
Tài sản ngắn hạn khác	7.50	18.5	-59.3%
Tài sản dài hạn	2,522	2,740	-8.0%
Phải thu dài hạn	10.4	9.67	7.6%
Tài sản cố định	2,364	2,598	-9.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	20.5	15.6	30.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	127	117	8.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,690	1,636	3.3%
Nợ ngắn hạn	1,665	1,612	3.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	729	604	20.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	638	725	-12.0%
Nợ dài hạn	24.8	23.9	3.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	15.2	15.0	1.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,769	1,777	-0.4%
Vốn chủ sở hữu	1,769	1,777	-0.4%
Vốn điều lệ	1,232	1,232	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	793	985	772	1,065	880
Giá vốn hàng bán	738	879	747	903	811
Lợi nhuận gộp	54.5	106	24.8	162	68.8
Doanh thu HĐTC	0.10	0.62	0.32	0.02	1.88
Chi phí TC	8.66	8.81	8.28	8.37	7.84
Chi phí lãi vay	8.48	8.64	8.28	8.28	7.75
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	41.8	34.4	42.1	52.6	45.7
Chi phí QLDN	29.9	30.9	30.7	32.3	26.3
LN thuần từ HĐKD	-25.8	32.4	-56.0	68.9	-9.11
Lợi nhuận khác	0.37	7.51	-4.38	-5.78	-1.60
LN trước thuế	-25.4	39.9	-60.4	63.1	-10.7
Lợi nhuận sau thuế	-25.4	39.9	-60.4	63.1	-10.7
LNST của CĐ cty mẹ	-24.4	41.1	-59.1	64.2	-9.59

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-41.3	344	-225	103	43.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.08	2.01	-49.5	-7.98	-9.08
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	62.6	-239	146	-62.9	12.3
Tiền đầu kỳ	23.9	43.1	151	22.5	54.7
Lưu chuyển tiền thuần	19.2	108	-128	32.2	47.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0	-0.02	0.30
Tiền cuối kỳ	43.1	151	22.5	54.7	102

(Nguồn: fireant.vn)